TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2026/DS-ST
Ngày 05-01-2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng thi công"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm

Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Chưởng - Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 363/2025/TLST-DS, ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2214/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Hữu H, sinh năm: 1990. Nơi cư trú: khóm B, phường L, tỉnh C.

Căn cước công dân số 09600004265. Bộ công an cấp ngày 10/8/2021.

Bị đơn: Bà Dương Thị Ngọc B, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: Đường B, khóm 10, phường H, tỉnh C.

(Ông H có mặt, bà B vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 16/02/2025 (âm lịch) nhằm ngày 15/03/2025 (dương lịch), giữa ông và bà Dương Thị Ngọc B có thỏa thuận bằng lời nói, theo đó, ông sẽ nhận thi công cho bà B 01 cầu thang (bằng gỗ cây Bên) 13 mét tới, giá 1.900.000 đồng/01 mét tới = số tiền 24.700.000 đồng; 03 cây trụ cầu thang 12 phân, giá 1.800.000 đồng/01 cây = 5.400.000 đồng; 01 trụ 20 phân với giá tiền là: 3.500.000 đồng; 01 vách lam gỗ (gỗ Tràm Bông vàng) với số tiền là 15.000.000 đồng; Tiền công lắp tủ bếp cũ là 1.800.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền công và vật tư mà ông lắp đặt cho bà Ngọc là 50.400.000 đồng.

Trước khi thi công, ngày 23/02/2025, ông có nhận trực tiếp tiền cọc của bà Ngọc B với số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó, bà Ngọc B tiếp tục chuyển trả cho ông thêm 3 lần: Lần 1, ngày 13/3/2025 số tiền 1.000.000 đồng; Lần 2, ngày 25/4/2025 số tiền 3.000.000 đồng; Lần 3, ngày 10/7/2025, số tiền 5.000.000 đồng.

Bà B có hứa với ông, khi nào hoàn thành công trình thì 03 ngày sau bà sẽ thanh toán đủ số tiền còn lại nhưng đến nay bà B vẫn chưa thanh toán mặc dù bà nhiều lần hứa hẹn.

Do bà B đang công tác tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau nên ông có làm đơn yêu cầu gửi đến Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau yêu cầu bà B trả số tiền còn lại là 36.400.000 đồng. Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau có mời bà B đến làm việc nhưng bà B không đến. Ủy ban nhân dân phường Tân Thành có văn bản trả lời số 845/UBND-VP ngày 10/10/2025, nội dung hướng dẫn ông gửi đơn đến Tòa án để giải quyết tranh chấp dân sự theo quy định của pháp luật.

Nay ông khởi kiện đến Toà án yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị Ngọc B trả cho ông số tiền thi công công trình còn lại là: 36.400.000 đồng, không yêu cầu gì khác.

Đối với bà Dương Thị Ngọc B: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng của Tòa án cho bà đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Dương Thị Ngọc B đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà là đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Dương Thị Ngọc B thanh toán tiền thi công 36.400.000 đồng. Nhận thấy: Căn cứ vào bản sao kê chi tiết giao dịch tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam từ tài khoản của Dương Thị Ngọc B đến tài khoản của Trần Hữu H vào các ngày ngày 13/3/2025, số tiền 1.000.000 đồng; ngày 25/4/2025 là 3.000.000 đồng; ngày 10/7/2025 với số tiền là 5.000.000 đồng, với nội dung "chuyen tien tạm tien cau thang". Như vậy, mặc dù ông H không cung cấp được hợp đồng thi công giữa ông với bà B nhưng có đủ cơ sở xác định giữa ông H với bà B có thoả thuận việc ông H nhận thi công một số hạn mục như ông H đã trình bày.

Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh thì "đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp..."

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông H đã cung cấp cho Toà án bản sao kê chi tiết giao dịch tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam thể hiện bà B nhiều lần chuyển khoản cho ông H để thanh toán tiền cầu thang; tin nhắn zalo giữa ông H, bà B thể hiện nhiều nội dung bà B hứa sẽ thanh toán tiền cho ông H. Trong khi đó, mặc dù bà B đã nhận được các tất cả các văn bản tố tụng của Toà án về yêu cầu khởi kiện của ông H đối với bà nhưng bà không có ý kiến phản đối trước yêu cầu khởi kiện của ông H.

Ngoài ra, trước khi nộp đơn khởi kiện, ông H có gửi đơn đến Uỷ ban nhân dân phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau nơi bà B đang công tác để yêu cầu giải quyết và Uỷ ban cũng đã tiến hành mời bà B để làm việc trước yêu cầu của ông H nhưng bà B cũng không đến, thể hiện tại văn bản số 845/UBND-VP ngày 10/10/2025 của Uỷ ban nhân dân phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau.

Từ những phân tích trên, việc ông H yêu cầu bà B thanh toán tiền thi công 36.400.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 200, Điều 244; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116; 119 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu H.

- Buộc bà Dương Thị Ngọc B có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Hữu H tổng số tiền 36.400.000 đồng.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định của khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Dương Thị Ngọc B phải chịu 1.820.000 đồng (Chưa nộp). Ông Trần Hữu H không phải chịu án phí. Ngày 16/10/2025, ông H đã dự nộp 910.000 đồng theo biên lai 0002357 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được nhận lại loàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 1 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trương Thanh Quốc

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 1 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Quốc